TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TAM NÔNG
TỈNH ĐỒNG THÁP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc

Số: 09/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 26/4/2019
"V/v xin ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TAM NÔNG - TỈNH ĐỒNG THÁP

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - chủ toạ phiên toà: Ông Lê Hoàng Vũ.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Thanh Hùng;

2. Ông Võ Hùng Em.

Thư ký phiên toà: Ông Lê Trần Minh Châu - Thư ký Toà án nhân dân huyện Tam Nông.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tam Nông tham gia phiên toà: Không tham gia.

Vào ngày 26/4/2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tam Nông, mở phiên toà xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 83/2019/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 3 năm 2019, về việc tranh chấp "Xin ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số:16/2019/QĐXXST-HNGĐ, ngày 11 tháng 4 năm 2019, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Ánh T, sinh năm 1984.

Địa chỉ: ấp K, xã P, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

- Bị đơn: Anh Phạm Ngọc N, sinh năm 1981.

Địa chỉ: ấp K, xã P, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

Nguyên đơn và bị đơn đều có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 06/3/2019; biên bản hòa giải ngày 09/4/2019 và tại phiên toà chị Nguyễn Thị Ánh T trình bày: Vào năm 2003, chị và anh Phạm Ngọc N kết hôn với nhau nhưng không có đăng ký kết hôn theo quy định. Sau khi kết hôn vợ chồng chị chung sống rất hạnh phúc và có sinh được 02 đứa con chung tên Phạm Thị Thúy L, sinh ngày 10/10/2004 và Nguyễn Ngọc D, sinh ngày 05/4/2018. Đến năm 2018, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh N có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác bên

ngoài và tự ý bỏ nhà ra đi không chung sống với chị và các con nữa, chị và anh N đã ly thân với nhau từ tháng 3/2018 cho đến nay. Từ khi vợ chồng ly thân cho đến nay các con chung do chị nuôi dưỡng.

Nay chị thấy tình cảm giữa chị với anh N không còn nên yêu cầu được ly hôn với anh Phạm Ngọc N.

- Về con chung: Chị T yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng 2 con chung tên Phạm Thị Thúy L, sinh ngày 10/10/2004 và Nguyễn Ngọc D, sinh ngày 05/4/2018, không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có nợ ai và cũng không có ai nợ lại vợ chồng nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài ra, không có yêu cầu gì khác.

Tại tờ tường trình ngày 26/3/2019; biên bản hòa giải ngày 09/4/2019 và tại phiên toà anh Phạm Ngọc N trình bày: Thừa nhận anh và chị Nguyễn Thị Ánh T kết hôn với nhau vào năm 2003, không có đăng ký kết hôn theo quy định. Sau khi kết hôn vợ chồng anh chung sống rất hạnh phúc và có sinh được 02 đứa con chung tên Phạm Thị Thúy L, sinh ngày 10/10/2004 và Nguyễn Ngọc D, sinh ngày 05/4/2018. Đến năm 2018 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh ăn chơi không quan tâm đến gia đình, từ đó dẫn đến bất đồng quan điểm trong cuộc sống, anh và chị T đã ly thân với nhau từ tháng 3/2018 cho đến nay. Từ khi vợ chồng ly thân cho đến nay vợ chồng có hàn gắn nhưng không thành và con chung do chị T nuôi dưỡng.

Nay chị T yêu cầu được ly hôn với anh, anh không đồng ý do còn thương vợ thương con.

- Về con chung: Trong quá trình chung sống vợ chồng có sinh được 02 đứa con chung tên Phạm Thị Thúy L, sinh ngày 10/10/2004 và Nguyễn Ngọc D, sinh ngày 05/4/2018, hiện nay đang sống với chị T, nếu Tòa án giải quyết ly hôn, anh yêu cầu được nuôi dưỡng cháu Diệp, không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con chung. Anh thống nhất giao cháu L cho chị T nuôi dưỡng, anh không cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có nợ ai và cũng không có ai nợ lại vợ chồng nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài ra, không có yêu cầu gì khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về hôn nhân: Hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị Ánh T và anh Phạm Ngọc N là hoàn toàn tự nguyện và thực tế đã xảy ra, nhưng anh, chị không có đăng ký kết hôn theo luật định nên đã vi phạm vào Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình.

Tại khoản 1 Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định:

1. Việc kết hôn phải được đăng ký và do cơ quan nhà nước có thẩm quyền thực hiện theo quy định của Luật này và pháp luật về hộ tịch.

Việc kết hôn không được đăng ký theo quy định tại khoản này thì không có giá trị pháp lý.

Do đó nghĩ nên không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị T và anh N là phù hợp với Điều 9, Điều 14 Luật hôn nhân và gia đình Việt Nam.

[2] Về con chung: Trong thời gian chung sống chị T và anh N có sinh được 02 đứa con chung tên Phạm Thị Thúy L, sinh ngày 10/10/2004 và Nguyễn Ngọc D, sinh ngày 05/4/2018, hiện chị T đang nuôi dưỡng. Tại phiên toà, chị T yêu cầu được nuôi dưỡng 02 con chung, không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định. Anh N thống nhất giao con chung tên Phạm Thị Thúy L, sinh ngày 10/10/2004 cho chị T nuôi dưỡng, anh không cấp dưỡng nuôi con chung. Anh yêu cầu được nuôi dưỡng con chung tên Nguyễn Ngọc D, sinh ngày 05/4/2018, anh không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con chung. Hội đồng xét xử xét thấy:

Đối với cháu Nguyễn Ngọc D, từ khi chị T và anh N ly thân, cháu D do chị T nuôi dưỡng. Mặc khác, hiện nay cháu D chỉ mới hơn 12 tháng tuổi, cần sự chăm sóc của mẹ nhiều hơn và chị T cũng không thuộc trường hợp không đủ điều kiện nuôi con và giữa chị T với anh N cũng không có thỏa thuận gì khác về việc nuôi dưỡng cháu D.

Tại khoản 3 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định. việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con sau khi ly hôn, cụ thể như sau:

1. …..

2. …..

3. Con dưới 36 tháng tuổi được giao cho mẹ trực tiếp nuôi, trừ trường hợp người mẹ không đủ điều kiện để trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con hoặc cha mẹ có thỏa thuận khác phù hợp với lợi ích của con.

Dó đó, nghĩ nên tiếp tục giao cháu D cho chị T nuôi dưỡng là phù hợp với Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình.

Đối với cháu Phạm Thị Thúy L, sinh ngày 10/10/2004, từ khi chị T và anh N ly thân cho đến nay, cháu L do chị T nuôi dưỡng, trong quá trình nuôi dưỡng, chị T vẫn đảm bảo cho cháu L có cuộc sống ổn định, phát triển tốt. Tại phiên tòa, anh N cũng thống nhất giao cháu L cho chị T được tiếp tục

nuôi dưỡng. Mặc khác, tại bản khai ngày 09/4/2019 cháu L cũng có nguyện vọng được tiếp tục sống chung với chị T, nghĩ nên tiếp tục giao cháu Liễu cho chị T nuôi dưỡng là phù hợp với Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình.

Anh N không phải cấp dưỡng nuôi con chung, do chị T không yêu cầu.

Anh N được quyền đến thăm nom và chăm sóc con chung, không ai có quyền ngăn cản.

[3] Về tài sản chung và nợ chung: Trong quá trình thu thập chứng cứ và tại phiên tòa chị T và anh N đều trình bày anh, chị không có tài sản chung và không có nợ chung nên không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 9; 14; 81; 82 và 83 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, điểm a, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án tuyên xử:

1/ Về hôn nhân:

Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Nguyễn Thị Ánh T và anh Phạm Ngọc N.

2/ Về con chung:

Tiếp tục giao 02 con chung của chị Nguyễn Thị Ánh T và anh Phạm Ngọc N tên Phạm Thị Thúy L, sinh ngày 10/10/2004 và Nguyễn Ngọc D, sinh ngày 05/4/2018, cho chị T nuôi dưỡng.

Anh Phạm Ngọc N không cấp dưỡng nuôi con, do chị T không yêu cầu.

Anh Phạm Ngọc N được quyền đến thăm nom, chăm sóc con chung, không ai có quyền ngăn cản.

3/ Về án phí:

Chị Nguyễn Thị Ánh T phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng), nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà chị T đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng), theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0005556 ngày 25/3/2019, tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tam Nông.

Báo cho nguyên đơn biết, có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án hôm nay.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9

Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Phòng GĐKT Toà án Tỉnh;
- VKSND huyện Tam Nông;
- Chi cục THADS huyện Tam Nông;
- Các đương vụ trong vụ án;
- Lưu hồ sơ, văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Lê Hoàng Vũ